

TTĐT

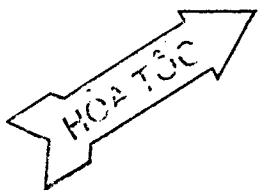
**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 464 /BC-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2018



**BÁO CÁO**

**Việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về hoạt động chất vấn  
tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV  
lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn**

|                                  |                    |
|----------------------------------|--------------------|
| CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ |                    |
| ĐẾN                              | Giới: ... C        |
|                                  | Ngày: ... 10/10/18 |

Kính gửi

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Các vị Đại biểu Quốc hội.

Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ đối với lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trong Nghị quyết số 44/2017/QH14, ngày 21/6/2017 của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV như sau:

**1. Về trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa IV**

Tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp nhận và trả lời 26 câu chất vấn của 26 Đại biểu Quốc hội (qua Phiếu chất vấn gửi đến Bộ); tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ trả lời 04 câu chất vấn của 04 Đại biểu Quốc hội;

Sau trả lời chất vấn trực tiếp của Bộ trưởng tại Kỳ họp, Bộ đã tiếp tục trả lời bằng văn bản 09 câu chất vấn của 09 Đại biểu Quốc hội.

Như vậy, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV, Bộ đã tiếp nhận và hoàn thành việc trả lời tổng số: 35 câu chất vấn của 35 Đại biểu Quốc hội; tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ trả lời 04 câu chất vấn của 04 Đại biểu Quốc hội.

**2. Về thực hiện việc rà soát, hoàn thiện quy hoạch tổng thể phát triển ngành nông nghiệp**

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012. Qua quá trình thực hiện, trên thực tiễn đã phát sinh một số vấn đề cần phải rà soát, điều chỉnh quy hoạch. Mặt khác, thời gian qua ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 899/QĐ-TTg, ngày 10/6/2013 đã đặt ra nhiệm vụ phải rà soát, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với nội dung tái cơ cấu, cũng như phù hợp với bối cảnh trong nước, khu vực và thế giới.

Từ năm 2016, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai rà soát, điều chỉnh “Quy hoạch tổng thể ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030” và tổ chức nhiều Hội thảo xin ý kiến, gửi hồ sơ lấy ý kiến các Bộ, ngành và các cơ quan liên quan, cũng như đăng tải trên website để lấy ý kiến rộng rãi người dân.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Bộ đã hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh phù hợp với Luật Quy hoạch và đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

### **3. Về kế hoạch, lộ trình cụ thể cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020, chú trọng các giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường nghiên cứu chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đảm bảo tốc độ tăng GDP toàn ngành đạt tối thiểu 3%.**

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020 theo 3 cấp sản phẩm (Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia; Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh; Nhóm sản phẩm là đặc sản địa phương).

Sau đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phân công cụ thể các đơn vị thuộc Bộ và các địa phương thực hiện Quyết định 1819/QĐ-TTg, thực hiện đồng bộ các giải pháp thực hiện cơ cấu lại, đồng thời chỉ đạo tập trung vào các giải pháp đột phá về hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường nghiên cứu chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, cụ thể:

- Tập trung nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tạo điều kiện để các thành phần kinh tế, đặc biệt là nông dân và doanh nghiệp tiếp cận thuận lợi hơn về đất đai, nguồn vốn và thị trường để mở rộng sản xuất hàng hóa có khả năng cạnh tranh cao đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và ứng phó với biến đổi khí hậu. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Chính phủ ban hành Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Đổi mới cơ chế chính sách để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, hướng đến nền nông nghiệp hiện đại có giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững trong chuỗi giá trị nông sản toàn cầu; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã và đang tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhiều cơ chế, chính sách; đồng thời phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện đồng bộ nhiều nhóm giải pháp để cơ cấu lại ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Tập trung chỉ đạo các đơn vị tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, phối hợp chặt chẽ với các Bộ ngành, đặc biệt là Bộ Khoa học và Công nghệ để giải quyết các vấn đề căn cốt trong chuỗi sản xuất, nhất là công nghệ giống, quy trình và các khâu chế biến, phân phối với cả 3 nhóm

sản phẩm quốc gia, cấp tỉnh, sản phẩm địa phương; đã chủ trì xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 về khuyến nông nhằm cụ thể hóa quy định của Luật Chuyển giao công nghệ 2018 và tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao về ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản.

Đối với các đơn vị sự nghiệp khoa học công lập cần tăng cường tự chủ; đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ theo hướng chuyển từ quản lý theo nhiệm vụ khoa học và công nghệ sang khoán, đặt hàng sản phẩm khoa học và công nghệ; sắp xếp, hoàn thiện hệ thống và ổn định tổ chức nghiên cứu khoa học nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo hướng chuyên lĩnh vực (trồng trọt, chăn nuôi, thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp) và theo hướng đa lĩnh vực (quy hoạch, chiến lược và chính sách, cơ điện và sau thu hoạch).

Tập trung nguồn lực đầu tư nghiên cứu, giải quyết các vấn đề quan trọng bức thiết của ngành; thúc đẩy ứng dụng sâu rộng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý nông nghiệp;

Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và phát triển nông nghiệp công nghệ cao, mang tri thức và tiến bộ khoa học công nghệ từ nhà khoa học đến với nông dân, giúp họ áp dụng vào thực tiễn, thay đổi tập quán làm nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị các sản phẩm nông nghiệp...

Bên cạnh đó, để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành phát triển của ngành, hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng phương án tăng trưởng của ngành; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện sản xuất của từng tiểu ngành và đưa các giải pháp trọng tâm đẩy mạnh sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ, đẩy mạnh nghiên cứu chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, hoàn thiện cơ chế chính sách, xây dựng kết cấu hạ tầng...; phân công các đơn vị thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp đề ra đảm bảo tốc độ tăng GDP toàn ngành đạt tối thiểu 3% (9 tháng đầu năm 2018 tốc độ tăng GDP toàn ngành đạt 3,65%, dự kiến cả năm 2018 là 3,4%).

#### **4. Về việc hướng dẫn tiêu chí theo dõi đánh giá thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2020**

Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ Tiêu chí giám sát đánh giá cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2020 tại Quyết định số 678/QĐ-TTg, ngày 19/5/2017, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Kế hoạch hành động của Bộ để triển khai (Quyết định số 3449/QĐ-BNN-KH ngày 21/8/2017). Trong đó, đã xác định rõ các nhiệm vụ chủ yếu và các hoạt động tập trung thực hiện từ nay đến năm 2020 như: tăng cường truyền thông, nâng cao năng lực về giám sát đánh giá, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và các hoạt động sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Bộ Tiêu chí.

Từ tháng 9/2017 đến nay, Bộ đã tổ chức 03 Hội nghị phạm vi toàn quốc để phổ biến, hướng dẫn các đơn vị và địa phương theo dõi, đánh giá theo các tiêu chí trong Bộ Tiêu chí. Hiện nay, Bộ đã hoàn thiện Sổ tay Hướng dẫn triển khai Bộ Tiêu chí để các địa phương thuận tiện trong quá trình hướng dẫn triển khai

thực hiện. Bộ tiếp tục triển khai tập huấn cụ thể cho các địa phương về phương pháp và cách tính các tiêu chí.

### **5. Về cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn**

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao (từ cuối năm 2016) và Nghị quyết của Quốc hội (năm 2017), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tích cực phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đơn vị chủ trì) tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (thay thế Nghị định số 210/2013/NĐ-CP). Chủ trì xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Đồng thời, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, trong đó có đề xuất nhiều chính sách hỗ trợ, ưu đãi nhằm thúc đẩy sự liên kết giữa doanh nghiệp với các hộ nông dân và các thành phần kinh tế khác trong sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đang xây dựng Chiến lược thu hút đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, bao gồm cả đầu tư trong và ngoài nước. Trên cơ sở Chiến lược này, Bộ sẽ xây dựng và trình Chính phủ ban hành các cơ chế chính sách về thu hút đầu tư ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Hiện nay, dự thảo Chiến lược đã hoàn thành và đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt.

Mặt khác, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, đơn giản hóa liên quan đến kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT đối với 63 TTHC. Trên cơ sở rà soát, dự kiến sửa đổi, bổ sung, quy định mới theo thẩm quyền: 30 TTHC và 17 văn bản QPPL; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, quy định mới: 03 TTHC và 07 văn bản QPPL.

Theo quy định của Luật Đầu tư (đã được sửa đổi, bổ sung) và pháp luật hiện hành, lĩnh vực nông nghiệp hiện có 33 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện với 345 điều kiện đầu tư kinh doanh (ĐTKD). Các điều kiện ĐTKD thuộc các lĩnh vực: thú y, thức ăn chăn nuôi, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, sản phẩm biến đổi gen, phân bón, giống cây trồng, giống vật nuôi, thủy sản và lâm nghiệp. Các điều kiện ĐTKD trong lĩnh vực nông nghiệp cơ bản đã được quy định tại các Luật, Pháp lệnh và Nghị định.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tiến hành rà soát, đề xuất cắt giảm 245/345 điều kiện đầu tư, chiếm tỷ lệ 71%. Thực hiện phương án cắt giảm này, dự kiến sẽ sửa đổi 03 Luật; 02 Nghị định. Đến thời điểm này, kết quả đạt được như sau:

- Luật Thủy sản 2017 đã được ban hành, đã cắt giảm được 53/62 điều kiện với 9 ngành nghề.

- Chính phủ đã ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp; đã cắt giảm 135/172 điều kiện với 16 ngành nghề.

Như vậy, kết quả cắt giảm đến nay là 188/345 điều kiện, đạt tỷ lệ 54%.

- Đối với 157 điều kiện còn lại, Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện phương án cắt giảm tại dự thảo Luật Trồng trọt, dự thảo Luật Chăn nuôi, dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp.

## **6. Về thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp; gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; phân bổ hài hòa lợi ích giữa các bên trong chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.**

Thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, trên cơ sở đánh giá những khó khăn, hạn chế trong quá trình thực hiện cơ cấu lại ngành giai đoạn vừa qua, đồng thời nhận định được những cơ hội và thách thức đặt ra cho ngành trong giai đoạn tới, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ động xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017, trong đó xác định các giải pháp đồng bộ nhằm khắc phục và đẩy mạnh hiệu quả thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp, như sau:

a) Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức: Đây được xác định là giải pháp đầu tiên, rất quan trọng để tạo sự thống nhất về tính tất yếu và tầm quan trọng của thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp đến các cấp, ngành, địa phương và người dân và về xây dựng nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa cạnh tranh quốc tế và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo các cấp, ngành, địa phương, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội nhằm tạo sức mạnh tổng hợp để tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương này.

b) Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết 26/NQ-TW Trung ương 7, Khóa X và các chủ trương của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tạo điều kiện để các thành phần kinh tế, đặc biệt là nông dân và doanh nghiệp tiếp cận thuận lợi hơn về đất đai, nguồn vốn và thị trường để đầu tư sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

c) Rà soát, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, quy mô và cơ cấu sản xuất phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng kế hoạch sản xuất theo 3 nhóm sản phẩm: (1) Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia (2) Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh (3) Nhóm sản phẩm là đặc sản của địa phương.

d) Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, trọng tâm là phát triển doanh nghiệp nông nghiệp; đẩy mạnh đổi mới

và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, phát triển trang trại theo hướng chú trọng hơn tới việc tổ chức nông dân sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu.

Tiếp tục mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo nông dân, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp; chuyển mạnh lao động nông nghiệp sang các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn.

đ) Tăng cường nghiên cứu, chuyên giao và ứng dụng khoa học công nghệ, tập trung giải quyết các vấn đề căn cốt trong chuỗi sản xuất, nhất là công nghệ giống, quy trình sản xuất và chế biến, tiêu thụ; phát triển mạnh nông nghiệp công nghệ cao nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và nâng cao khả năng cạnh tranh, hiệu quả của ngành.

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp để tận dụng tối đa cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ sinh học... Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong phòng chống, quản lý rủi ro thiên tai.

Xây dựng, hoàn thiện và áp dụng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình kỹ thuật sản xuất tiên tiến; đẩy mạnh đăng ký bảo hộ sản phẩm, bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu sản phẩm.

e) Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển thị trường

Tăng cường năng lực hội nhập quốc tế; tổ chức nghiên cứu, đánh giá tác động của hội nhập quốc tế đem lại, tuyên truyền phổ biến để các địa phương, doanh nghiệp và người dân có phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, phát triển thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp về các vấn đề pháp lý trong giải quyết tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập quốc tế.

Tổ chức lại hệ thống thương mại nông sản nội địa; đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và xây dựng thương hiệu, truy suất nguồn gốc hàng nông sản.

Nâng cao năng lực nghiên cứu và dự báo cung cầu nông sản, cung cấp kịp thời cho các địa phương, doanh nghiệp và người dân điều chỉnh sản xuất phù hợp; tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu, kết nối giữa vùng sản xuất với hệ thống phân phối; kết nối thị trường trong nước với thị trường toàn cầu.

g) Tiếp tục huy động các nguồn lực xã hội, thúc đẩy hoạt động đầu tư theo hình thức đối tác công tư để phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn ngày càng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hội nhập quốc tế; tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới.

h) Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tăng cường đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để nâng cao năng lực,

hiệu lực và hiệu quả quản lý ngành từ trung ương đến địa phương. Kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các Ban chỉ đạo và bộ máy giúp việc các cấp để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ về cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

i) Tăng cường công tác phòng chống thiên tai, phát triển bền vững

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo; xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo chuyên dùng phục vụ phòng chống thiên tai; đẩy mạnh xã hội hóa cung cấp dịch vụ công về quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn. Chủ động xây dựng và thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; các biện pháp ứng phó với thiên tai.

Tham gia thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh; tăng cường đổi mới và sử dụng công nghệ tiên tiến tiết kiệm tài nguyên, chi phí đầu vào cho sản xuất.

Tập trung đầu tư các chương trình đã được phê duyệt (hệ thống đê sông, đê biển, hồ đập xung yếu, khu neo đậu tàu thuyền trú tránh bão, công trình chống ngập úng đô thị lớn, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, trạm quan trắc, cảnh báo thiên tai; trung tâm chỉ huy, điều hành phòng chống thiên tai...). Khẩn trương ổn định dân cư vùng thiên tai; sửa chữa khẩn cấp công trình đê điều, hồ đập bị sự cố và xử lý cấp bách các trọng điểm về sạt lở bờ sông, xói lở bờ biển.

Sử dụng tiết kiệm, không bỏ đất hoang, không làm ô nhiễm, thoái hóa đất; hình thành hệ thống các khu bảo tồn biển, bảo tồn vùng nước nội địa nhằm bảo vệ, phục hồi, tái tạo nguồn lợi, nhất là các loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao, bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh;

Tăng diện tích trồng rừng mới, đẩy mạnh khôi phục rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển; tiếp tục thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư trồng rừng sản xuất và chế biến lâm sản, phát triển du lịch sinh thái rừng.

Phối hợp quản lý tốt nguồn nước của các lưu vực sông và hệ thống thủy lợi bảo đảm các quá trình khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, phục vụ có hiệu quả sự phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài. Nghiên cứu giải pháp về lâu dài để hạn chế, khắc phục hậu quả lũ lụt tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

**7. Về phối hợp để làm tốt công tác quản lý thị trường; có cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng hệ thống tiêu thụ sản phẩm để tổ chức có hiệu quả và phát triển thị trường trong nước, mở rộng thị trường ngoài nước, thực hiện tốt việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu sản phẩm nông nghiệp Việt Nam**

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chú trọng tăng cường công tác xúc tiến thương mại nhằm hỗ trợ việc tìm đầu ra cho các sản phẩm nông lâm thủy sản thông qua việc phát triển thị trường xuất khẩu và xác định thị trường tiêu thụ trong nước là một kênh phân phối, tiêu thụ nông lâm thủy sản quan trọng, trong đó đặc biệt chú trọng đến các sản phẩm

chủ lực quốc gia, cấp tỉnh và các đặc sản vùng miền. Bên cạnh Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã duy trì các hoạt động xúc tiến thương mại, thông tin tuyên truyền, tháo gỡ rào cản, vướng mắc về thị trường xuất khẩu, hỗ trợ kết nối cung cầu,...nhằm giúp địa phương, doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá sản phẩm; tìm kiếm thị trường đầu ra; liên kết, kết nối để tìm kiếm cơ hội đầu tư, hợp tác liên kết sản xuất, phân phối tiêu thụ sản phẩm.

Bộ đã tăng cường cung cấp thông tin, định hướng thị trường để hỗ trợ người sản xuất như việc đảm bảo kết nối thông tin thị trường nông sản giữa Bộ và các địa phương, HH ngành hàng thông qua việc cung cấp "*Bản tin thị trường nông nghiệp*" hàng tuần và hàng tháng nhằm đưa thông tin nhanh nhất đến các hộ sản xuất và các doanh nghiệp, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Đồng thời, tiếp nhận thông tin của các địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội phản ánh để tổng hợp, phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành của Bộ được tốt hơn.

Bộ cũng tổ chức các đoàn làm việc với các cơ quan chức năng của các nước để giải quyết vướng mắc về thị trường đầu ra cho sản phẩm nông sản của Việt Nam. Đồng thời, đẩy mạnh phối hợp với Tham tán thương mại tại các nước trên thế giới hỗ trợ các DN, hiệp hội kết nối, trao đổi thông tin, thúc đẩy tiêu thụ nông sản; tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng nông sản chủ lực xuất khẩu (thông tin về sản lượng, thương mại, giá cả), phục vụ quảng bá nông sản Việt Nam đến người tiêu dùng, đối tác trong và ngoài nước.

Hiện nay, Bộ đang xây dựng cơ chế phối hợp với các Hiệp hội ngành hàng để tăng cường công tác trao đổi thông tin, phát huy vai trò của các Hiệp hội trong việc kết nối với doanh nghiệp và tham gia tích cực vào các hoạt động về phát triển thị trường và xúc tiến thương mại. Mặt khác, Bộ đã tích cực tổ chức các hội thảo, hội nghị liên quan đến xúc tiến thương mại phát triển thị trường các mặt hàng nông sản sạch, an toàn, hữu cơ đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội cũng như giúp nâng cao giá trị gia tăng hàng xuất khẩu của Việt Nam. Bộ đã hoàn thiện và trình Chính phủ ban Nghị định số 109/2018/NĐ-CP, ngày 29/8/2018 về Nông nghiệp hữu cơ, tạo hành lang pháp lý, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển sản xuất nông sản sạch, an toàn.

Triển khai thực hiện "Đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21/5/2015), Bộ đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia Gạo Việt Nam (Quyết định số 1499/QĐ-BNN-CBTTNS, ngày 02/5/2018). Hiện Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO) đã cấp mã số cho nhãn hiệu VIETNAMRICE, hiện còn đợi phản hồi của 63 quốc gia được chỉ định trong thời gian tối đa 12-18 tháng.

Đối với các nông sản khác, Bộ đang phối hợp với Bộ Công Thương lựa chọn các sản phẩm để xây dựng phát triển thương hiệu trong giai đoạn từ nay tới năm 2025. Các sản phẩm được lựa chọn phải đáp ứng được các yếu tố chính như: được sản xuất trên quy mô lớn với mức độ cơ giới hóa cao, có khối lượng và giá trị tiêu thụ lớn, chất lượng đồng đều, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm,



có khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn trong và ngoài nước. Đây cũng là các mặt hàng tập trung nhiều các doanh nghiệp mạnh, một số doanh nghiệp đã có thương hiệu và có mong muốn xây dựng thương hiệu để hình thành và phát triển thương hiệu Quốc gia.

Tính đến nay, Việt Nam đã bảo hộ được 58 chỉ dẫn địa lý trong đó có 52 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam và 6 chỉ dẫn địa lý của nước ngoài. Có thể nói, chỉ dẫn địa lý đang dần chứng minh vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, bảo tồn đa dạng sinh học, góp phần thúc đẩy sự phát triển hoạt động sản xuất, thương mại và nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm nông sản của Việt Nam.

### **8. Về chuyển giao chức năng quản lý phân bón từ Bộ Công Thương sang Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tiếp tục hoàn thiện quy định về quản lý phân bón, khuyến khích các doanh nghiệp phát triển sản xuất phân hữu cơ.**

a) Kết quả chuyển giao chức năng quản lý phân bón vô cơ từ Bộ Công Thương, hoàn thiện quy định quản lý phân bón:

Thực hiện chỉ đạo của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, đến cuối tháng 10 năm 2017, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành việc tiếp nhận bàn giao quản lý nhà nước đối với phân bón vô cơ từ Bộ Công Thương<sup>1</sup>, đồng thời đã xây dựng trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định làm cơ sở pháp lý trong thống nhất quản lý nhà nước đối với phân bón<sup>2</sup>; đang hoàn thiện 01 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về chất lượng phân bón và 07 TCVN về phương pháp thử, lấy mẫu phân bón để ban hành trong thời gian tới.

Ngay sau khi Nghị định 108/2017/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ổn định cơ cấu tổ chức bộ máy để triển khai công tác quản lý, thực hiện rà soát tổng thể hoạt động sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón trong toàn quốc. Theo số liệu rà soát, thống kê đến ngày 15/9/2018 cả nước có **783** nhà máy sản xuất phân bón (**563** nhà máy sản xuất phân bón vô cơ, **220** nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ với tổng công suất là **30,3 triệu tấn/năm** (vô cơ: 27,58 triệu tấn/năm, chiếm 91%; hữu cơ: 2,72 triệu tấn/năm, chiếm 9%); **17** phòng thử nghiệm được chỉ định; **8** đơn vị kiểm tra nhà nước; **12** tổ chức chứng nhận hợp quy phân bón đáp ứng được các quy định để phục vụ quản lý nhà nước về chất lượng phân bón; đã công nhận lưu hành **18.185** phân bón chuyển tiếp theo quy định (16.530 phân bón vô cơ, 1.655 phân bón hữu cơ) và loại bỏ **3.386** phân bón (chiếm 15,7% trong tổng số phân bón đã xem xét).

b) Về khuyến khích phát triển sản xuất phân hữu cơ:

<sup>1</sup> Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và PTNT gửi Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 9088/BNN-BVTV ngày 30/10/2018 (tiếp nhận bàn giao hồ sơ 13.423 sản phẩm phân bón vô cơ, 545 cơ sở sản xuất phân bón vô cơ do Bộ Công Thương cấp phép)

<sup>2</sup> Nghị định 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 về quản lý phân bón thay thế Nghị định 202/2013/NĐ-CP; Nghị định số 55/2018/NĐ-CP ngày 6/4/2018 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón

Ngày 09/3/2018, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức Hội nghị phát triển sản xuất phân bón hữu cơ toàn quốc với sự tham gia của hơn 400 đại biểu trong nước, quốc tế, đại diện các Sở, Ban ngành, Doanh nghiệp, Hiệp hội. Thông qua kết quả hội nghị, cho thấy rằng việc sử dụng phân bón hóa học trong thời gian dài đã gây ô nhiễm, thoái hóa đất và thậm chí ảnh hưởng xấu đến chất lượng nông sản. Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp sạch theo hướng bền vững, hiệu quả với việc sử dụng phân bón hữu cơ là một xu hướng tất yếu.

Hiện nay, trên toàn quốc có 220 cơ sở đã được cấp phép sản xuất phân bón hữu cơ. Tổng công suất các nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ là 2,72 triệu tấn/năm, chiếm 9% so với tổng công suất sản xuất phân bón trong nước (30,3 triệu tấn/năm), bằng 1/10 lần so với công suất sản xuất phân bón vô cơ (27,57 triệu tấn/năm). Tính đến 15/9/2018 số lượng phân bón hữu cơ các loại đã được công nhận lưu hành là 1.687 sản phẩm, chiếm 9,1% so với số lượng phân bón đã được công nhận (tháng 12/2017 tỷ lệ này chỉ là 5%), còn lại 88,9% là phân bón vô cơ (16.478 sản phẩm) và 2% là phân bón sinh học (370 sản phẩm).

Trước đây, do thiếu các biện pháp hỗ trợ, khuyến khích sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ tại Việt Nam đã dẫn tới sự mất cân đối nghiêm trọng trong việc sử dụng phân bón hữu cơ và vô cơ. Tuy nhiên từ sau khi Nghị định số 108/2017/NĐ-CP được ban hành đã quy định một số chính sách khuyến khích trong sản xuất, sử dụng phân bón hữu cơ, đây sẽ là bước đầu để xác định vị trí, vai trò quan trọng của sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ trong xây dựng và phát triển một nền nông nghiệp sạch, bền vững. Ngoài ra, Bộ đã đề xuất một số quy định khuyến khích phát triển sản xuất, sử dụng phân bón hữu cơ trong dự thảo Luật Trồng trọt (sẽ được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV); đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2018/NĐ-CP, ngày 29/8/2018 về Nông nghiệp hữu cơ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đặt mục tiêu thúc đẩy phát triển sản xuất và sử dụng phân bón hữu cơ cả về lượng và chất, phấn đấu tăng tỷ trọng sử dụng phân bón hữu cơ ít nhất là trên 3 triệu tấn/năm trong thời gian tới; khuyến khích, vận động để đảm bảo ít nhất 50% trong tổng số các đơn vị sản xuất phân bón cả nước cam kết đầu tư phát triển sản xuất phân bón hữu cơ, đặc biệt là các đơn vị sản xuất phân bón vô cơ.

#### **9. Về công tác quản lý, tổ chức sản xuất, cung cấp vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp; tăng cường quản lý thuốc bảo vệ thực vật và xử lý các sai phạm trong sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp**

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xác định công tác quản lý, tổ chức sản xuất, cung cấp vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên của Ngành để chỉ đạo tập trung nguồn lực triển khai hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật, tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức thực thi, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Đến nay, công tác quản lý vật tư nông nghiệp đã đạt được một số kết quả như sau:

a) Khung pháp luật quản lý chất lượng, chính sách khuyến khích sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp đã được ban hành cơ bản đầy đủ, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, hài hòa với chuẩn mực quốc tế và tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, cụ thể:

- Quốc hội đã thông qua Luật Thú y, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, Luật Thủy sản sửa đổi; Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi (sẽ được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV).

- Từ 2017 đến nay, Bộ đã trình Chính phủ ban hành 08 Nghị định về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp<sup>3</sup>; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 01 Chỉ thị<sup>4</sup>; Rà soát, sửa đổi và ban hành 08 Thông tư về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm (ATTP).

- Ban hành 07 QCVN, đề nghị công bố 27 TCVN về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm trong năm 2017, nâng tổng số lên 442 tiêu chuẩn và 191 quy chuẩn về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm. Hiện nay, Bộ đang hoàn thiện thủ tục để ban hành 25 QCVN về vật tư nông nghiệp.

Đến năm 2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phấn đấu xây dựng và ban hành cơ bản đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật, các tiêu chuẩn theo sản phẩm/nhóm sản phẩm vật tư nông nghiệp để hướng đến phương thức quản lý chất lượng vật tư đầu vào trong sản xuất nông nghiệp bằng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

#### b) Về tổ chức thực thi chính sách pháp luật

Nhận định chung về công tác tổ chức thực thi pháp luật trong quản lý vật tư nông nghiệp tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có những chuyển biến tích cực trong những năm qua, cụ thể:

- Hàng năm, Bộ đã ban hành Kế hoạch hành động “Năm cao điểm hành động về vệ sinh ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp”; Kế hoạch cao điểm thanh tra, kiểm tra chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP và tổ chức Hội nghị quán triệt trong toàn ngành.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định hướng và chỉ đạo các đơn vị quản lý chuyên ngành thực hiện rà soát thường xuyên để loại bỏ các vật tư nông nghiệp có độc tính cao, gây tồn dư trên nông sản gây mất an toàn thực phẩm, không thân thiện với môi trường sinh thái ra khỏi danh mục được phép sử dụng, lưu hành. Từ năm 2017 đến nay, Bộ đã loại 1.024 sản phẩm thuốc BVTV (có

<sup>3</sup> Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y; Nghị định số 100/2017/NĐ-CP ngày 18/08/2017 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản; Nghị định 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 về quản lý phân bón thay thế Nghị định 202/2013/NĐ-CP; Nghị định số 55/2018/NĐ-CP ngày 6/4/2018 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 7/4/2017 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 64/2018/NĐ-CP ngày 7/5/2018 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thủy sản; Nghị định 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 Chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu;

<sup>4</sup> Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 24/4/2017 về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp.

chứa các hoạt chất Carbendazim, Thiophanate-methyl, Benomyl, 2.4D, Paraquat, Trichlorfon và Carbofuran) ra khỏi Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam; từ chối cấp Giấy đăng ký lưu hành đối với 479 loại thuốc BVTV có hiệu lực sinh học thấp, khảo nghiệm không đảm bảo độ tin cậy; loại bỏ, không công nhận chuyên tiếp phân bón lưu hành tại Việt Nam đối với hơn 1.300 sản phẩm phân bón có thành phần dinh dưỡng và các chỉ tiêu chất lượng không phù hợp; không cấp phép nhập khẩu 101 lô hàng không đảm bảo chất lượng, 1.052 sản phẩm thuốc thú y kém chất lượng....

- Công tác quản lý tại tất cả các khâu từ đăng ký, khảo nghiệm, cấp phép nhập khẩu, sản xuất, buôn bán và sử dụng các vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp được kiểm soát chặt chẽ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thẩm định, cấp phép vật tư nông nghiệp nhằm tăng hiệu quả quản lý, phòng ngừa tiêu cực và tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng và vận hành Cổng Dịch vụ công trực tuyến trong đó 500 dịch vụ công mức độ 2 của Bộ đã được tích hợp lên cổng; 9 thủ tục kết nối một cửa quốc gia tại Bộ cũng đã được kết nối lên cổng; 8 thủ tục hành chính cấp phép thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4).

### c) Về công tác thông tin truyền thông

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác thông tin, truyền thông trong toàn ngành thời gian qua nhằm tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành vi thực hành của người sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật tư đầu vào của sản xuất nông nghiệp, trong đó công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về vật tư nông nghiệp cũng đã được đổi mới về cả nội dung, đa dạng phương thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và hướng tiếp cận trực tiếp đến đối tượng bằng nhiều công cụ truyền thông khác nhau như: tuyên truyền trên hệ thống thông tin cơ sở cấp xã, phường và tổ chức các buổi tọa đàm, phóng sự trên sóng phát thanh truyền hình vào khung giờ thích hợp với nội dung được biên soạn chuyên biệt cho từng nhóm đối tượng trên tạo chuyển biến trong về nhận thức và thay đổi hành vi của người sản xuất, kinh doanh theo hướng tích cực; tổ chức các Hội nghị, hội thảo, diễn đàn để tuyên truyền, phổ biến các chính sách quản lý mới trong quản lý vật tư nông nghiệp có sự tham gia của các đối tượng có liên quan như: Hội thảo khuyến nghị chính sách quản lý và phát triển nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam tháng 8/2017, Diễn đàn quốc tế về nông nghiệp hữu cơ tháng 12/2017, Hội nghị phát triển sản xuất phân bón hữu cơ tháng 3/2018; Hội nghị định hướng công tác bảo vệ thực vật trong tình hình mới tháng 5/2018; ... .

Đồng thời, các cơ quan chức năng của Ngành đã tổ chức các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo tuyên truyền, phổ biến kiến thức an toàn thực phẩm cho người sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp; phát hành các sản phẩm truyền thông như phóng sự, tin bài, video clip, tờ rơi, băng rôn. Việc tổ chức các hoạt động truyền thông với những nội dung, hình thức tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm, phong phú đa dạng song hành với việc tổ chức thực hiện các chính sách

pháp luật đã tạo sự chuyển biến nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp chính quyền, đoàn thể và của toàn xã hội về công tác đảm bảo chất lượng trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật tư nông nghiệp.

#### d) Về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

Trong các năm gần đây, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo toàn ngành tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, trong đó chuyển mạnh từ hình thức thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch sang thanh tra, kiểm tra đột xuất; đẩy mạnh công tác phối hợp trong thanh tra, kiểm tra với các lực lượng ngoài ngành (Bộ Công An, ban Chỉ đạo 389 Trung ương, Bộ đội Biên phòng...) đã góp phần quan trọng để phát huy hiệu quả trong công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, cụ thể:

- Đã giải quyết dứt điểm việc sử dụng chất cấm trong thức ăn chăn nuôi (không phát hiện mẫu vi phạm chất cấm đối với 9142 mẫu được lấy kiểm tra trong năm 2017; 823 mẫu được lấy kiểm tra trong 5 tháng đầu năm 2018); giảm thiểu lạm dụng hóa chất kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, tiêm thuốc an thần cho gia súc trước khi giết mổ; kịp thời phát hiện, điều tra, triệt phá các đường dây nhập lậu, các cơ sở tàng trữ, lưu thông, buôn bán chất cấm, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y ngoài danh mục (vụ việc phát hiện và tiêu hủy 3.750 con heo tiêm thuốc an thần tại Tp Hồ Chí Minh; phát hiện và tiêu hủy 3 tấn thuốc bảo vệ nhập lậu tại Lạng Sơn tháng 5/2018; phát hiện và tiêu hủy 13,1 tấn sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản chưa được phép lưu hành...).

Năm 2017, các cơ quan chức năng thuộc Bộ đã kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất đối với 5.013 cơ sở, phát hiện 746 cơ sở vi phạm về chất lượng vật tư nông nghiệp và xử phạt 214 cơ sở với tổng số tiền xử phạt hơn 3,8 tỷ đồng. Các tỉnh/thành phố đã kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất 34.538 cơ sở, phát hiện và xử phạt 6.309 cơ sở vi phạm về chất lượng vật tư nông nghiệp 49,7 tỷ đồng. Trong 5 tháng đầu năm 2018, các cơ quan chức năng của Ngành đã thực hiện kiểm tra định kỳ theo Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT đối với 348 cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, trong đó 332 cơ sở được xếp loại A, B (chiếm 95,4%). Các cơ sở xếp loại C vẫn chưa được tái kiểm vì việc kiểm tra chỉ được thực hiện không quá 01 lần/năm đối với Doanh nghiệp theo quy định tại Chỉ thị 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với Doanh nghiệp; thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất được 117 cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, đã phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền hơn 1,5 tỷ đồng.

#### đ. Về tăng cường quản lý thuốc bảo vệ thực vật:

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Bộ đã chỉ đạo rà soát, ban hành các quy trình, quy chế hoạt động, quản lý chặt tại tất cả các khâu, đặc biệt là khảo nghiệm và đăng ký thuốc Bảo vệ thực vật, loại bỏ các loại thuốc Bảo vệ thực vật độc hại, thuốc Bảo vệ thực vật hiệu lực sinh học thấp không đáp ứng yêu cầu sản xuất ra khỏi danh mục theo quy định pháp luật.

Bộ đã tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với các thủ tục hành chính trong công tác quản lý thuốc Bảo vệ thực vật trên cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ. Đồng thời, tổ chức hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch thu gom, tiêu hủy bao bì thuốc Bảo vệ thực vật sau sử dụng. Các đơn vị chức năng ở Trung ương và địa phương đã kết hợp với một số doanh nghiệp và tổ chức quốc tế tổ chức đào tạo, tuyên truyền và tổ chức thu gom và tiêu hủy bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, kết quả đạt được như sau:

- Đào tạo được 299 giảng viên nòng cốt; từ lực lượng nòng cốt này, đã tổ chức hơn 10.766 cuộc hội thảo với 439.798 nông dân tham dự tại 22 tỉnh thành.

- Đã phát hơn 406.113 tờ rơi, dán tổng cộng 20.495 poster tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng nông thôn.

Đến nay, đã hình thành 83 mô hình tại các xã nông thôn mới ở 22 tỉnh thành. Tổng diện tích các mô hình đến nay đạt hơn 3.730 ha, với sự tham gia trực tiếp của hơn 4,326 hộ nông dân cùng thực hiện, trong đó đã xây dựng được 362 hố chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng.

#### **10. Về rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định về quản lý hoạt động khai thác thủy sản; tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.**

Thực hiện Luật Thủy sản năm 2003, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu trình Chính phủ ban hành đồng bộ các văn bản có liên quan hướng dẫn quản lý hoạt động khai thác thủy sản như: Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản; Nghị định số 32/2010/NĐ-CP ngày 30/3/2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động thủy sản của tàu cá nước ngoài trong vùng biển Việt Nam; Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31/3/2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức cá nhân trên các vùng biển và ban hành nhiều Thông tư hướng dẫn quản lý hoạt động khai thác thủy sản; Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản; Nghị định số 102/2012/NĐ-CP ngày 29/11/2012 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Kiểm ngư nhằm tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thủy sản.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và để phù hợp với sự phát triển của ngành thủy sản và các quy định của quốc tế nhất là quản lý hoạt động khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương rà soát Luật Thủy sản năm 2003 trình Chính phủ, Quốc hội xem xét, sửa đổi.

Ngày 21/11/2017 Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 đã được Quốc hội khóa XIV thông qua, thay thế Luật Thủy sản 2003. Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 (*Luật Thủy sản có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2019*). Đây là

cơ sở pháp lý để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường công tác quản lý, công tác kiểm tra và xử lý nghiêm minh trong hoạt động khai thác thủy sản để tiến tới phát triển ngành khai thác thủy sản bền vững và hiệu quả.

### **11. Về tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, địa phương trong điều tra, nghiên cứu, quản lý, khai thác nguồn lợi thủy sản.**

Trên cơ sở tiếp tục thực hiện “Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên - môi trường biển đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020” và Dự án “Điều tra tổng thể đa dạng sinh học, nguồn lợi thủy hải sản và quy hoạch các khu bảo tồn biển Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện một số dự án điều tra, đánh giá nguồn lợi và nghề cá biển, cụ thể như: (1) Dự án: Điều tra tổng thể hiện trạng và biến động nguồn lợi hải sản biển Việt Nam (thời gian thực hiện từ năm 2016 đến 2020); (2) Dự án: Điều tra tổng thể hiện trạng và biến động nguồn lợi thủy sản ven biển Việt Nam (thời gian thực hiện từ năm 2016 đến 2020); (3) Dự án: Điều tra tổng thể hiện trạng và biến động đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái ven biển Việt Nam (thời gian thực hiện từ năm 2016 đến 2020).

Đồng thời, chỉ đạo các địa phương tiến hành thực hiện điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm các tỉnh ven biển theo cơ cấu nghề và quy mô đội tàu khai thác; tăng cường hợp tác điều tra trong lĩnh vực nguồn lợi thủy sản.

Kết quả các dự án trên là cơ sở khoa học để định hướng quản lý nguồn lợi và phát triển đội tàu khai thác thủy sản phù hợp với trữ lượng, khả năng khai thác bền vững của nguồn lợi một cách hiệu quả, bền vững và phù hợp với Luật Thủy sản số 18/2017/QH14”

### **12. Về tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả việc thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ và có giải pháp khắc phục kịp thời những bất cập, hạn chế, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm các tàu đã đóng**

Ngày 01/8/2017, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng đã chủ trì Hội nghị tổng kết, đánh giá kết quả 03 năm triển khai thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và bàn về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 67/2014/NĐ-CP nhằm tháo gỡ những bất cập, những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Hội nghị đã thảo luận kỹ, chỉ rõ những bất cập, những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, đồng thời, đề ra các giải pháp để tháo gỡ (Thông báo số 368/TB-VPCP ngày 16/8/2017). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương rà soát, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP trình Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Ngày 02/02/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 17/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển

thủy sản. Đây là cơ sở pháp lý để các Bộ ngành và các địa phương tiếp tục triển khai, đảm bảo chất lượng theo đúng mục tiêu đặt ra trong Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

Đến ngày 30/9/2018, theo báo cáo của các địa phương, cả nước đã có 845 tàu cá đã đi vào hoạt động (710 tàu khai thác hải sản, 135 tàu dịch vụ hậu cần); trong đó: tàu cá vỏ thép là 322 chiếc, tàu vật liệu mới là 95 chiếc, tàu vỏ gỗ là 428 chiếc.

Về kết quả cụ thể: các ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng đối với ngư dân để cho vay đóng mới, nâng cấp 1.178 tàu, trong đó 1.058 tàu đóng mới và 120 tàu nâng cấp (367 tàu vỏ thép, 95 tàu vỏ vật liệu mới, 716 tàu vỏ gỗ), với tổng số tiền cam kết cho vay đạt 11.700.521 triệu đồng, doanh số cho vay đạt trên 11.058.271 triệu, dư nợ đạt 10.646.407 triệu đồng.

Riêng đối với 20 tàu vỏ thép tại Bình Định bị hư hỏng phải nằm bờ để khắc phục, sửa chữa (Đóng tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu: 15 tàu, Công ty TNHH Đại Nguyên Dương: 05 tàu). Hiện nay, việc khắc phục sửa chữa như thay máy mới, sơn lại tàu đã hoàn thành và tất cả các tàu cá đã đi vào hoạt động bình thường.

Trên đây là kết quả thực hiện đối với lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trong Nghị quyết số 44/2017/QH14, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội và các vị Đại biểu Quốc hội./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch Quốc hội;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- VPQH: HC (5b), PVHĐGS;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký của TTg và các PTTg, Vụ NN, Công TTĐTCP;
- Lưu: VT, QHĐP (2b).NQ 46

**TM. CHÍNH PHỦ  
TUQ. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**



**Nguyễn Xuân Cường**